

THÔNG TIN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thông tin tuyển sinh/quản lý

Tên chương trình đào tạo

Cử nhân Y tế Công cộng

Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Cử nhân (Cấp độ 6)

Các thông tin sau đây được cung cấp cho sinh viên được nhận vào chương trình đào tạo:

Tổ chức trao bằng

Nơi giảng dạy

Đại học Trà Vinh

Đại học Trà Vinh

Khoa

Y - Dược

Tên bằng cấp được cấp

Cử nhân Y tế Công cộng

Mã chương trình

7720701

Chỉ tiêu tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia là điểm cộng của 03 môn thi theo tổ hợp các môn thi đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Điểm sàn, thông thường tổng điểm 3 môn thi ≥ 15). Các tổ hợp môn xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hóa), B00 (Toán, Lý, Hóa).
- **Phương thức 2:** Xét Kết quả học tập THPT (Học bạ)

2. Thời lượng và hình thức học tập

Chương trình	Thời gian	Hình thức đào tạo	Ngày/tháng bắt đầu cho các chương trình	Cách thức
Cử nhân Y tế Công cộng	4 năm	Chính quy	Tháng 9	Trực tiếp, tại khuôn viên trường Đại học Trà Vinh

Ngôn ngữ học

Tiếng Việt

Ngôn ngữ đánh giá

Tiếng Việt

3. Chương trình được công nhận bởi nghề nghiệp, luật hoặc quy định

Theo quy định của Luật giáo dục	
4. Người quản lý chương trình đào tạo	
Phạm Thị Kim Yến	
5. Vị trí việc làm	
<p>Sau khi tốt nghiệp Cử nhân có khả năng công tác tại các cơ sở Y tế và một số ban ngành có nhu cầu sử dụng Cử nhân y tế công cộng như: Sở y tế (phòng nghiệp vụ, phòng kế hoạch,...), Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC), Trung tâm y tế và Bệnh viện (chuyên viên phòng nghiên cứu khoa học chỉ đạo tuyến, phòng kế hoạch tổng hợp, phòng đảm bảo chất lượng, kiểm soát nhiễm khuẩn,...) và Trường Cao đẳng/Đại học, Viện Nghiên cứu,...có liên quan đến y tế công cộng và y học dự phòng. Các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực Y tế công cộng, Y học dự phòng.</p>	
6. Mục đích và chuẩn đầu ra của chương trình	
6a. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Trà Vinh và chương trình học	
<p>Triết lý giáo dục của Trường Đại học Trà Vinh và chương trình học</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường Đại học có một triết lý giáo dục: "Dựa trên việc đào tạo năng lực thực tiễn, đạo đức và trách nhiệm, học sinh sẽ phát triển thành những con người tốt hơn để phục vụ một xã hội tốt đẹp hơn". • Triết lý giáo dục của chương trình là "Trách nhiệm - Năng lực - Thích nghi". "Trách nhiệm": Sinh viên Được học hoàn toàn hiểu trách nhiệm cá nhân và chuyên nghiệp của mình đối với ngành công nghiệp dược và xã hội để thực hành bảo vệ sức khỏe cộng đồng tốt. "Năng lực": Sinh viên được đào tạo theo chương trình liên tục được cải tiến để đáp ứng các yêu cầu chuyên môn của xã hội. "Thích nghi": Sinh viên có kiến thức, kỹ năng và tư duy để thích nghi với môi trường và yêu cầu thay đổi liên tục. 	
6b. Mục tiêu chương trình đào tạo	
<p>Chương trình đào tạo Đại học Y tế công cộng được xây dựng theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan. Cụ thể, CTĐT Y tế công cộng trình độ Đại học hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên:</p>	
PO1	Có kiến thức cơ bản về y học cơ sở, y tế công cộng, tổ chức quản lý y tế, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ; về lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, quản lý, và điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Y tế công cộng
PO2	Có khả năng áp dụng kiến thức kỹ thuật cơ sở về Y tế công cộng vào hoạt động chuyên môn.
PO3	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

PO4	Có khả năng phản biện, phê phán; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; và chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể.
PO5	Có các kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề cơ bản; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Có khả năng sáng tạo, khởi nghiệp trong lĩnh Y tế công cộng.
6c. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
❖ Về kiến thức:	
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào hoạt động nghề nghiệp.
PLO2	Giải thích được các kiến thức, nguyên lý y học cơ sở làm nền tảng cho Y tế công cộng.
PLO3	Diễn giải được cách phát hiện, phân loại và xử trí các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.
PLO4	Áp dụng được kiến thức về phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh, nâng cao sức khỏe.
PLO5	Diễn giải được kiến thức tổ chức quản lý, pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
PLO6	Lựa chọn được các phần mềm phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Y tế công cộng và mô hình đánh giá chương trình/hoạt động y tế.
❖ Về kỹ năng	
PLO7	Xây dựng kế hoạch khắc phục được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.
PLO8	Xây dựng kế hoạch giải quyết được các vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng nhằm đề xuất những giải pháp bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho người dân hiệu quả.
PLO9	Tham gia được mô hình giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình sức khỏe tại cộng đồng.
PLO10	Tham gia được các hoạt động giám sát để phát hiện sớm bệnh dịch và công tác phòng chống dịch tại cộng đồng.
PLO11	Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học dựa trên kỹ năng nghiên cứu khoa học đã được học.
PLO12	Vận dụng được năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và ngoại ngữ chuyên ngành để tìm kiếm các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài khi thực hiện nghiên cứu khoa học.
PLO13	Áp dụng hiệu quả các kỹ năng (Truyền thông, giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm,...) trong thực hiện công việc.
❖ Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:	
PLO14	Kết hợp khả năng chủ động, sáng tạo, đồng thời vận động, khuyến khích đồng nghiệp phát triển chuyên môn liên tục.

PLO15	Phối hợp ý kiến của cộng đồng và các bên liên quan trong phát hiện và giải quyết các vấn đề sức khỏe, đánh giá chương trình/hoạt động y tế.
PLO16	Thích ứng với môi trường làm việc đa dạng trong hệ thống bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
6d. Thông tin khác	
i) Tham gia học	
Chương trình nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng làm việc trong ngành Y tế Công cộng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.	
ii) Tổ chức đào tạo	
Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả học sinh không phân biệt dân tộc, giới tính hay tình trạng khuyết tật.	
7. Quy định của chương trình	
iii) Quốc tế hóa	
Chương trình nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng làm việc trong ngành Y tế công cộng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước, tương thích với tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Chương trình có sinh viên của khu vực ASEAN tham gia học tập. Trường có các hoạt động giao lưu quốc tế tạo môi trường giao tiếp đa văn hóa.	
iv) Khả năng nâng cao trình độ:	
Sinh viên ngành Y tế công cộng trình độ Đại học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn để:	
<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành Y tế công cộng trong và ngoài nước. - Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan. - Học trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa I, II) ngành Y tế công cộng tại các trường trong và ngoài nước. Như: <ul style="list-style-type: none"> + Thạc sĩ Y tế công cộng/ Quản lý y tế + Tiến sĩ Y tế công cộng/ Quản lý y tế + Thạc sĩ Quản lý bệnh viện + Chuyên khoa cấp I Quản lý y tế + Chuyên khoa cấp II Quản lý y tế + Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng + Chuyên khoa cấp II Y tế công cộng + Và một số ngành gần khác. 	
8. Cấu trúc chương trình	

8a. Cấu trúc chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ			Ghi chú
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
Học kỳ I						
1.	191.00	<i>Giáo dục thể chất 1*</i>	1	0	1	
2.	190081	<i>Giáo dục Quốc phòng- An ninh</i>	<i>8 tín chỉ (165 tiết)</i>			
3.	410291	Anh văn không chuyên 1	3	2	1	
4.	180050	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	
5.	220220	Tin học ứng dụng cơ bản	3	1	2	
6.	650518	Sinh học và Di truyền	2	2	0	
7.	650956	Hóa học	2	1	1	
8.	450015	Pháp luật đại cương	2	1	1	
9.	650005	Giải phẫu	2	1	1	
10.	650079	Sức khỏe môi trường	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			19	12	7	
			<i>Không tính giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng an ninh</i>			
Học kỳ II						
11.	192.**	<i>Giáo dục thể chất 2*</i>	1	0	1	
12.	410302	Anh văn không chuyên 2	4	2	2	
13.	180051	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	
14.	650004	Vật lý và Lý sinh	2	1	1	
15.	650009	Sinh lý	2	1	1	
16.	650068	Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2	1	1	
17.	150002	Kỹ năng mềm	2	1	1	
Môn học tự chọn (chọn 4 tín chỉ)						
18.	110006	Xác suất – Thống kê	2	1	1	
19.	651183	Tâm lý y học – Đạo đức y học	2	1	1	

20.	650633	Nhân học và Xã hội học sức khỏe	2	1	1	
21.	650266	Vệ sinh học đại cương môi trường – nghề nghiệp	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			18	10	8	
			<i>Chưa kể Giáo dục thể chất</i>			
Học kỳ III						
22.	193.15	<i>Giáo dục thể chất 3*</i>	<i>1</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	
23.	180052	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	
24.	410303	Anh văn không chuyên 3	3	2	1	
25.	651184	Dịch tễ học cơ bản	3	2	1	
26.	650180	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2	1	1	
27.	650126	Tổ chức và quản lý y tế	2	1	1	
28.	650558	Hóa sinh	2	1	1	
Môn học tự chọn (chọn 4 tín chỉ)						
29.	650014	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	1	1	
30.	650064	Dược lý	2	1	1	
31.	651185	Nội cơ sở	2	1	1	
32.	651186	Ngoại cơ sở	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			18	11	7	
			<i>Chưa kể Giáo dục thể chất</i>			
Học kỳ IV						
33.	410304	Anh văn không chuyên 4	3	2	1	
34.	180001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	
35.	651187	Các bệnh thường gặp 1	2	1	1	
36.	650952	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe	2	2	0	
37.	651235	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2	1	1	
38.	651188	Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế	2	1	1	
39.	650632	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	
40.	650261	Thực tập cộng đồng 1	2	0	2	

Tổng số tín chỉ			17	10	7	
Học kỳ V						
41.	180053	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	
42.	651189	Các bệnh thường gặp 2	2	1	1	
43.	651190	Tin học ứng dụng trong Y học	3	1	2	
44.	650281	Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	1	
45.	650622	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học	3	2	1	
Tự chọn 1 (chọn 2 tín chỉ)						
46.	650265	Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng	2	1	1	
47.	650036	Nghiên cứu định tính	2	1	1	
48.	650267	Điều tra một vụ dịch	2	1	1	
49.	650382	Thiết kế đánh giá chương trình y tế	2	1	1	
50.	650269	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	1	1	
Tự chọn 2 (chọn 2 tín chỉ)						
51.	650270	Lập kế hoạch và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng	2	1	1	
52.	651193	Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái	2	1	1	
53.	650626	Dịch tễ học bệnh không lây	2	1	1	
54.	650272	Lập kế hoạch chương trình Nâng cao sức khỏe	2	1	1	
55.	650273	Thống kê dân số y tế	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			16	9	7	
Học kỳ VI						
56.	650634	Sức khỏe sinh sản	2	1	1	
57.	650276	Sức khỏe lứa tuổi	2	2	0	
58.	650028	Quản lý tài chính và Kinh tế y tế	2	2	0	

59.	650279	Thực tập cộng đồng 2	2	0	2	
Tự chọn 3 (chọn 2 tín chỉ)						
60.	650280	Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng	2	1	1	
61.	651191	Quản lý dịch vụ y tế	2	1	1	
62.	650627	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	1	1	
63.	650283	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe	2	1	1	
64.	650284	Quản lý chương trình dân số - KHHGD	2	1	1	
Tự chọn 4 (chọn 2 tín chỉ)						
65.	650285	Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm	2	1	1	
66.	650286	Sức khỏe trường học	2	1	1	
67.	650629	Thống kê y sinh học thực hành	2	1	1	
68.	650288	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội	2	1	1	
69.	650289	Kinh tế dân số y tế	2	1	1	
Tự chọn 5 (chọn 2 tín chỉ)						
70.	650290	Quản lý an toàn thực phẩm	2	1	1	
71.	650291	Đánh giá nguy cơ sức khỏe môi trường – Nghề nghiệp	2	1	1	
72.	651192	Y học thảm họa	2	1	1	
73.	650383	Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe	2	1	1	
74.	650294	Chính sách dân số	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			14	8	6	
Học kỳ VII						
75.	650635	Quản lý chất thải y tế	2	1	1	
76.	650106	Dân số học	2	2	0	
77.	650625	Phân loại bệnh tật và tử vong toàn cầu	1	1	0	
78.	650297	Dịch tễ học chấn thương	2	1	1	

79.	650299	Quản lý dự án y tế	2	1	1	
80.	650256	Anh văn chuyên ngành YTCC	3	2	1	
81.	650636	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1	
Tổng số tín chỉ			14	9	5	5
Học kỳ VIII						
82.	650302	Thực tập cộng đồng 3	2	0	2	
83.	651159	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7	
Hoặc học học phần thay thế						
84.	650628	<i>Kỹ thuật y tế trường học</i>	2	1	1	
85.	650303	<i>Các kỹ năng Chẩn đoán cộng đồng</i>	2	1	1	
86.	650304	<i>Phương tiện và Tài liệu truyền thông</i>	3	2	1	
Tổng số tín chỉ			9			
8b. Thiết kế đánh giá chương trình						
i) Liên hệ với giảng viên						
<p>Chương trình Cử nhân Y tế công cộng được thiết kế với 126 tín chỉ, 71 lý thuyết và 55 thực hành. Về mặt lý thuyết, ngoài giờ học trên lớp, sinh viên còn tự học, tự nghiên cứu thông qua e-learning, làm bài tập, thảo luận nhóm, thuyết trình. Ngoài ra, học sinh còn học được từ dự án. Về thực hành, bên cạnh thực hành tại các phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên, chương trình có các khóa thực tập tại các bệnh viện, cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh để sinh viên có cơ hội áp dụng lý thuyết vào thực tế và học tập thông qua kinh nghiệm.</p>						
ii) Tính tự học và nghiên cứu của sinh viên						
<p>Hình thức học trực tuyến, sinh viên chủ động được thời gian học, học mọi lúc, mọi nơi. Có môi trường trao đổi học tập trực tuyến, có sự giám sát và phản hồi trực tiếp của giảng viên. Ngoài ra, sinh viên có thể chủ động tìm kiếm tài liệu, tự học và nghiên cứu tại Trung tâm Học liệu của Nhà trường. Các học phần bao gồm thực hành tại bệnh viện, cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh, dưới sự giám sát, giảng dạy của các giảng viên lâm sàng giàu kinh nghiệm, giúp sinh viên có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp và trải nghiệm trong môi trường đa dạng.</p>						
iii) Đánh giá						

Các hình thức đánh giá quá trình: câu hỏi ngắn, thảo luận nhóm, báo cáo, tiểu luận và bài tập tích hợp của sinh viên trên web (học trực tuyến). Các hình thức đánh giá cuối kỳ: thi trắc nghiệm, thi tự luận, vấn đáp, thi thực hành, ca lâm sàng dài, seminar, báo cáo, tiểu luận,....

9. Đóng góp của đội ngũ giảng viên và/hoặc thỉnh giảng bên ngoài Trường

Chương trình Y tế công cộng (trình độ Đại học) của Trường Đại học Trà Vinh có sự tham gia của các chuyên gia đến từ các bệnh viện và các trường đại học đào tạo khoa học sức khỏe tại Việt Nam. Các chuyên gia đến từ nhiều đơn vị khác nhau như: tỉnh Trà Vinh (BVĐK Trà Vinh, BV Nhi, BV Lao và bệnh phổi, BV Y học cổ truyền, CDC Trà Vinh); ngoài tỉnh Trà Vinh (Bến Tre, Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang),... Căn cứ vào nhu cầu của chương trình đào tạo, Khoa Y – Dược đã triển khai hiệu quả mô hình đào tạo kết hợp Trường – Bệnh viện; các giảng viên tham gia giảng dạy lý thuyết và thực hành lâm sàng trong chương trình đều đến từ các bệnh viện, trường đại học, đều là những người có kinh nghiệm giảng dạy lâm sàng và có chứng chỉ hành nghề tại các cơ sở y tế trên cả nước trên 3 năm. Các lớp cập nhật kiến thức y khoa liên tục và tổ chức các khóa đào tạo về phương pháp giảng dạy lâm sàng cho giảng viên hướng dẫn lâm sàng. Giảng viên chủ động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của học sinh dựa trên các quy định như điểm, phiếu tự đánh giá, sản phẩm,...

10. Học qua trải nghiệm

10a. Chương trình yêu cầu sinh viên học qua trải nghiệm tại các cơ sở y tế

Chương trình mang đến cơ hội học tập thông qua thực tập lâm sàng tại các cơ sở y tế dưới sự hướng dẫn của các giảng viên lâm sàng giàu kinh nghiệm, có đạo đức tốt và tâm huyết với nghề. Khóa học có 8 môn học chuyên ngành bắt buộc và 2 môn học tự chọn, thực hành lâm sàng tại các cơ sở trong và ngoài tỉnh.

10b. Hỗ trợ học sinh học tập trải nghiệm

Học lâm sàng thực tế thông qua thực hành chăm sóc bệnh nhân toàn diện, phối hợp nhóm hiệu quả trong liên ngành để đạt được mục tiêu đề ra ở các cơ sở y tế là bắt buộc. Sinh viên phải hoàn thành các học phần này để học tiếp các học phần tiếp theo

10c. Hoạt động thực hành

1. Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện, thực hành trên phòng thí nghiệm
2. Thực tập cộng đồng

10d. Ai sẽ chịu trách nhiệm tìm nguồn cung ứng và sắp xếp?

Trường có nhiệm vụ thiết lập mối quan hệ với các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh, thiết lập và hợp tác với các cơ sở y tế trong quá trình đào tạo. Khoa có kế hoạch học tập cho sinh viên trong các cơ sở y tế và gửi cho sinh viên trước khi bước vào học kỳ thực tập. Trên cơ sở mạng lưới hơn 40 bệnh viện từ hạng III đến hạng I, Sở Y tế và các trường Đại học, Cao đẳng đào

tạo ngành Y tế trong và ngoài tỉnh. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội lựa chọn và trải nghiệm học tập thực tập lâm sàng, trải nghiệm học kỳ hệ thông qua các chương trình hợp tác, trao đổi sinh viên du học Nhật Bản, Đài Loan, Philippines theo nhu cầu của sinh viên. Đội ngũ giảng viên chính thức giảng dạy, thực tập cộng đồng và thực tập lâm sàng được xét duyệt dựa trên tiêu chuẩn quy định của Ngành đào tạo, đều có chứng chỉ, có phương pháp giảng dạy lâm sàng, hầu hết trên 3 năm kinh nghiệm và tâm huyết với nghề. Bộ môn lựa chọn khoa lâm sàng tại các cơ sở y tế phù hợp với nội dung thực tập và điều kiện cơ sở thực tập theo quy định của Bộ Y tế. Hàng ngày, sinh viên phải báo cáo các hoạt động tại cơ sở y tế cho người hướng dẫn lâm sàng; Hàng tuần, giáo viên hướng dẫn lâm sàng phải báo cáo tiến độ và các hoạt động tại cơ sở y tế cho Bộ môn, Bộ môn báo cáo tiến độ học tập cho Nhà trường trong các cuộc họp khoa hàng tuần, hàng tháng. Kết thúc học phần thực tập lâm sàng, sinh viên nộp báo cáo hoàn chỉnh về nội dung môn học và trình bày kết quả trước hội đồng.

10e. Thời gian học tập dựa trên công việc là gì?

Thời gian học thông qua thực hành lâm sàng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tối thiểu là 4 tuần/học phần

10f. Học tập dựa trên công việc sẽ được đánh giá như thế nào?

Ngoài việc trở thành cử nhân y tế công cộng thực tập tại các khoa lâm sàng trong các cơ sở y tế, sinh viên còn phải đảm nhận các chuyên đề thực tế do các chuyên gia tại cơ sở y tế đưa ra. Kết quả của các mô-đun này là sự tham gia của người hướng dẫn cơ sở, người hướng dẫn và nhóm từ 3-11 sinh viên. Điểm là trung bình cộng trên 5 điểm, theo các thành phần: Điểm thực tập tại cơ sở y tế, điểm làm việc với giáo viên hướng dẫn, điểm sản phẩm và báo cáo đề tài

11. Học sinh tham gia vào việc phát triển chương trình Các cựu sinh viên và/hoặc cựu sinh viên tham gia vào việc phát triển đề xuất/chương trình này như thế nào?

Sinh viên được đóng góp ý kiến cải tiến chương trình thông qua khảo sát và các buổi gặp gỡ định kỳ, đột xuất của Bộ môn với sinh viên. Phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy của giảng viên trong mỗi môn học được thu thập thông qua đánh giá trực tiếp hoặc trực tuyến vào cuối mỗi khóa học. Phản hồi về phương pháp giảng dạy được cung cấp thông qua khảo sát hàng năm và khảo sát đầu ra.

12. Thay đổi chương trình

Chuyển đến chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)	Có
---	----

Di chuyển ra khỏi chương trình sẽ được? (vui lòng chọn Có/Không)	Không
--	-------

13. Chất lượng và tiêu chuẩn

Nhà trường có sẵn một khuôn khổ để đảm bảo rằng các tiêu chuẩn của chương trình được duy trì và chất lượng của trải nghiệm học tập được nâng cao. Các quy trình đảm bảo và nâng cao chất lượng bao gồm:

- Người giám sát học thuật chương trình đào tạo tại các khoa của Hội đồng Khoa học và Đào tạo gồm đại diện sinh viên
- Chương trình giám sát của các giám khảo bên ngoài đảm bảo tiêu chuẩn tại Trường Đại học Trà Vinh tương đương với các chương trình khác trong ngành
- Quản lý theo dõi, đánh giá định kỳ hàng năm chương trình và tiếp thu ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên thông qua Khảo sát sinh viên toàn quốc.

14. Ngày mà thông số kỹ thuật chương trình này được viết hoặc sửa đổi

Ngày 28/2/2022

15. Ma trận thể hiện kết quả học tập của chương trình đạt được qua các khóa học như thế nào

Lưu ý: "I"=Giới thiệu; "R"=được củng cố và có cơ hội thực hành; "M"=thành thạo ở cấp cao cấp hoặc xuất cảnh

CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần

Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần																
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)	
		TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA	TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA	
Cơ sở ngành	Được lý		IR TUA		IR TUA					IR TUA								
	Nội cơ sở		IR TUA	IR TUA	IR TUA	IR TUA												
	Ngoại cơ sở		IR TUA	IR TUA	IR TUA	IR TUA												
4	Anh văn không chuyên 4	M TUA											M TU					
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	IR TUA																
	Các bệnh thường gặp 1		IR TUA	IR TUA	IR TUA	IR TUA												
	Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe		I TUA	I TUA	I TUA													
	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		I TUA	I TUA	I TUA													
	Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế		I TUA			I TUA		I TUA	I TUA	I TUA	I TUA					I TU		
	Giáo dục và nâng		I TUA		I TUA	I TUA			I TUA	I TUA				I TU				I TU

Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần															
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)
		TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA
	Nghiên cứu định tính		R TUA									R TUA				R TUA	
	Điều tra một vụ dịch		R TUA	R TUA	R TUA							R TUA					
	Thiết kế đánh giá chương trình y tế		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA					R TU	
	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình		I TUA	I TUA	I TUA	I TUA		I TUA	I TUA	I TUA							
Tự chọn 2	Lập kế hoạch và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng		R TUA	R TUA	R TUA			R TUA	R TUA	R TUA	R TUA						
	Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái		IR TUA	IR TUA				IR TUA									
	Dịch tễ học bệnh không lây		R TUA	R TUA	R TUA							R TUA					
	Lập kế hoạch		R TUA		R TUA	R TUA			R TUA	R TUA				R TU			R TU

CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần

Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần															
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)
		TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA	TĐNL& TUA	TĐNL & TUA
	chương trình Nâng cao sức khỏe																
	Thống kê dân số y tế		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA		R TUA	R TUA	R							
6	Sức khỏe sinh sản		R TUA	R TUA	R TUA			R TUA	R TUA	R TUA						R TU	
	Sức khỏe lứa tuổi		R TUA	R TUA	R TUA			R TUA	R TUA	R TUA							
	Quản lý tài chính và Kinh tế y tế		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA					R TU	
	Thực tập cộng đồng 2		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA					R TU	
Tự chọn 3	Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng		R TUA	R TUA	R TUA												
	Quản lý dịch vụ y tế		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA					R TU	
	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm		R TUA	R TUA	R TUA							R TUA					

CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần

Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần															
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)
		TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA	TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA
	Đánh giá chương trình Nâng cao sức khỏe		R TUA		R TUA	R TUA			R TUA	R TUA				R TU			R TU
	Quản lý chương trình dân số - KHHGD		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA						
Tự chọn 4	Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm		R TUA	R TUA	R TUA												
	Sức khỏe trường học		R TUA	R TUA				R TUA									
	Thống kê y sinh học thực hành	M TUA					M TU										
	Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội		R TUA		R TUA	R TUA			R TUA	R TUA				R TU			R TU

CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần

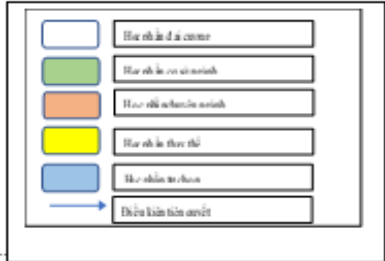
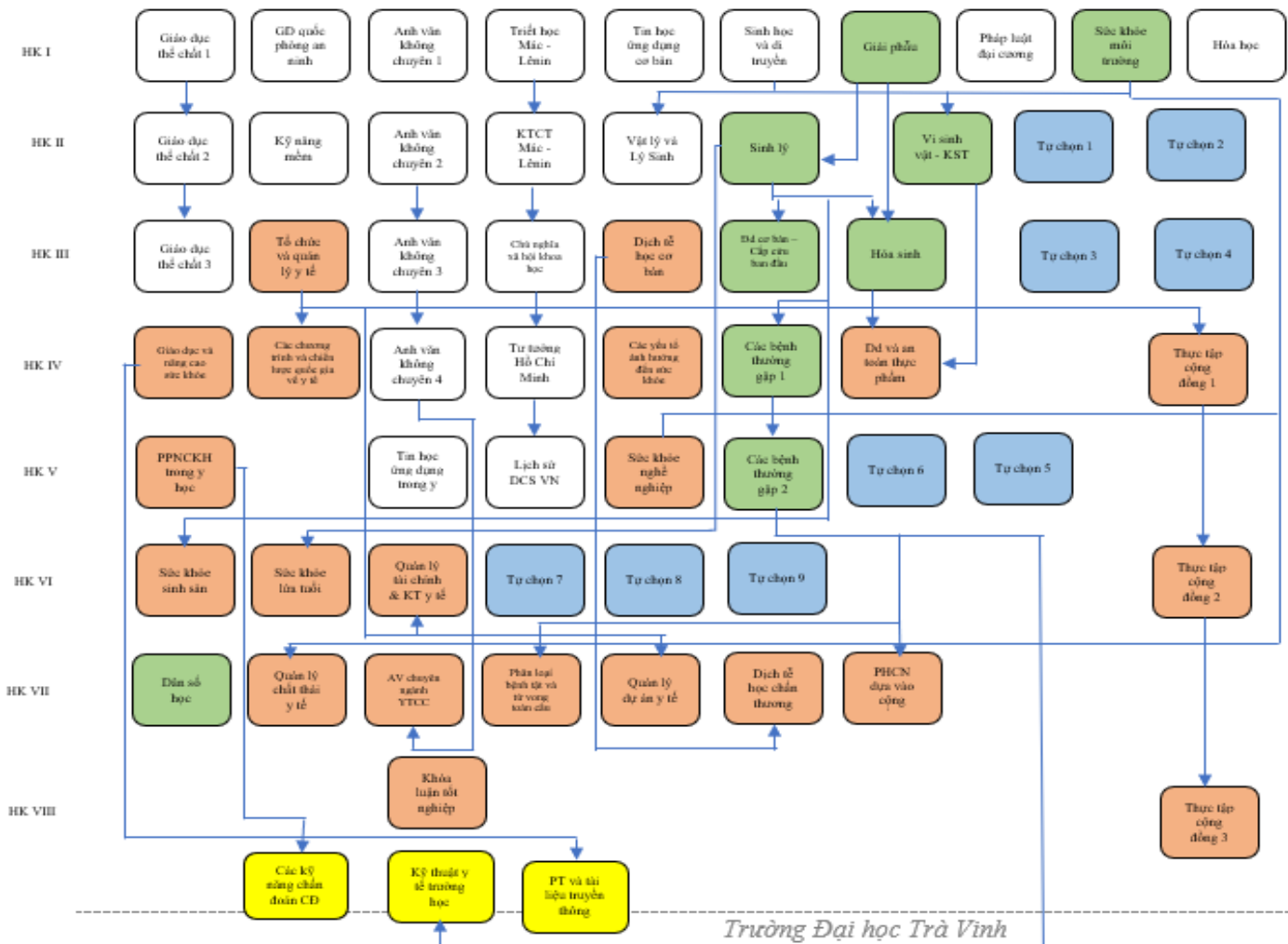
Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần																
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)	
		TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL& TUA	TĐNL& TUA	TĐNL & TUA	
	vong toàn cầu																	
	Dịch tễ học chấn thương		R TUA	R TUA	R TUA							R TUA						
	Quản lý dự án y tế		R TUA			R TUA		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA					R TU		
	Anh văn chuyên ngành YTCC	M TUA											M TU					
	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng		R TUA	R TUA					R TUA									
	8	Thực tập cộng đồng 3		RM TUA			RM TUA		RM TUA	RM TUA	RM TUA	RM TUA					RM TU	
Khóa luận tốt nghiệp			M TUA				M TU					M TUA				M TU		
Thay thế	Kỹ thuật y tế trường học		R TUA	R TUA	R TUA	R TUA		R TUA		R TUA								
	Các kỹ năng Chẩn đoán cộng đồng		R TUA	R TUA					R TUA									
	Phương tiện và		M TUA		M TUA	M TUA			M TUA	M TUA				M TU			M TU	

Học kỳ	Học phần	CDR CTĐT và Trình độ năng lực được phân bổ cho từng học phần															
		PLO1 (3K)	PLO2 (4K)	PLO3 (3K)	PLO4 (4K)	PLO5 (3K)	PLO6 (5K)	PLO7 (4S)	PLO8 (4S)	PLO9 (4S)	PLO10 (4S)	PLO11 (3S)	PLO12 (3S)	PLO13 (3S)	PLO14 (3A)	PLO15 (3A)	PLO16 (4A)
		TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA	TĐNL & TUA
	Tài liệu truyền thông																

Chú thích:

Trình độ năng lực (theo thang đo Bloom)		
CDR về nhận thức (kiến thức và lập luận)	CDR về Kỹ năng tâm lý vận động (các kỹ năng đòi hỏi sự vận động và thao tác)	CDR về Thái độ (thái độ và giá trị của người học)
1 (0.0 – 2.0): Có biết qua/có nghe qua	1 (0.0 – 2.0): Có thể bắt chước	1 (0.0 – 2.0): Thể hiện sự lắng nghe và tiếp nhận ý kiến của người khác
2 (2.0 – 3.0): Có hiểu biết/có thể tham gia	2 (2.0 – 3.0): Có thể thực hiện theo chỉ dẫn	2 (2.0 – 3.0): Thể hiện sự sẵn sàng thay đổi ý thức, hành vi
3 (3.0 – 3.5): Có khả năng ứng dụng	3 (3.0 – 3.5): Có thể thực hiện thuần thục	3 (3.0 – 3.5): Thể hiện sự tôn trọng một giá trị đạo đức
4 (3.5 – 4.0): Có khả năng phân tích	4 (3.5 – 4.5): Có thể phối hợp nhiều kỹ năng để thực hiện công việc	4 (3.5 – 4.5): Có khả năng liên hệ, tổng hợp và hệ thống các giá trị đạo đức
5 (4.0 – 4.5): Có khả năng đánh giá	5 (4.5 – 5.0): Có thể thực hiện kỹ năng/công việc như một phần xạ tự nhiên.	5 (4.5 – 5.0): Thể hiện tính cách/thái độ/giá trị bản thân đã được định hình/thay đổi.
6 (4.5 – 5.0): Có khả năng tổng hợp/sáng tạo		

PHỤ LỤC C.III. SƠ ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN (Brief descriptions of courses)

1. Giáo dục thể chất 1

Điều kiện tiên quyết: không

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh

Điều kiện tiên quyết: không

Sau khi học xong chương trình giáo dục Quốc phòng và an ninh sinh viên có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn. (Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

3. Anh văn không chuyên 1

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này giúp Sinh viên bắt đầu làm quen với tiếng Anh theo đánh giá năng lực Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ A1 và tiền A2. Sinh viên có cơ hội làm quen với tất cả các kỹ năng của ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc và Viết. Những kỹ năng này được phát triển qua các chủ điểm như: friends, shopping, food and drinks, leisure and hobbies, clothes, travel, sport, family, books and studying, language and communication... đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng đề thi ở cấp độ A2.

4. Triết học Mác – Lênin

Điều kiện tiên quyết: không có

Học phần trang bị kiến thức về được những vấn đề cơ bản của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng. Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin; Nhận thức được triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Liên hệ thực tế những vấn đề có liên quan đến môn triết học Mác – Lênin; Xây dựng thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, vận dụng sáng tạo triết học Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của con người Việt Nam trong thời kỳ mới; Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, nâng cao tư duy phản biện, biết phát hiện và xử lý những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

5. Tin học ứng dụng cơ bản

Điều kiện tiên quyết: không

Sau khi học xong môn này, học viên sẽ sử dụng được hệ điều hành Microsoft Windows; sử dụng được các ứng dụng văn phòng trong bộ Microsoft Office gồm Word, Excel và PowerPoint; sử dụng được các dịch vụ cơ bản của Internet; biết một số ứng dụng cụ thể của công nghệ thông tin và truyền thông; ngoài ra học viên còn hiểu được một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong môi trường công nghệ thông tin.

6. Sinh học và Di truyền

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

7. Hóa học

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và các ứng dụng cũng như ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống.

8. Pháp luật đại cương

Điều kiện tiên quyết: Không có

Qua môn học này người học sẽ có được những kiến thức mang tính chất cơ sở, nền tảng về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng. Là cơ sở để người học hoàn thiện khối kiến thức về pháp luật để có thể bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình, đồng thời giáo dục người học khỏi những hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến xã hội.

9. Sức khỏe môi trường

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung gồm tìm hiểu về quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường; các vấn đề liên quan đến vệ sinh môi trường không khí, đất, bệnh viện, đô thị; xác định các yếu tố ô nhiễm môi trường; xác định các vấn đề về xử lý phân nước rác; qui trình quản lý, xử lý chất thải.

10. Xác suất – Thống kê (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Tin học ứng dụng cơ bản

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.

11. Tâm lý y học – Đạo đức y học (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về tâm lý học và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

12. Nhân học và Xã hội học sức khỏe (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

13. Vệ sinh học đại cương môi trường – nghề nghiệp (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: sức khỏe môi trường

Vệ sinh học đại cương môi trường - nghề nghiệp là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật, phương pháp phát hiện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố tác hại có trong môi trường và tại nơi làm việc. Thông qua môn học này, các Cử nhân YTCC làm việc trong lĩnh vực SKMT-NN nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật sử dụng trong theo dõi, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy cơ trong cộng đồng và tại nơi làm việc.

14. Giáo dục thể chất 2

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

15. Anh văn không chuyên 2

Điều kiện tiên quyết: Không có

Học phần này giúp S bắt đầu làm quen với tiếng Anh theo đánh giá năng lực Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ A1 và tiền A2. Sinh viên có cơ hội làm quen với tất cả các kỹ năng của ngôn ngữ như Nghe, Nói, Đọc và Viết. Những kỹ năng này được phát triển qua các chủ điểm như: friends, shopping, food and drinks, leisure and hobbies, clothes, travel, sport, family, books and studying, language and communication... đồng thời sinh viên cũng được làm quen với các dạng đề thi ở cấp độ A2.

16. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức về những tri thức cơ bản về sự ra đời và phát triển của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin; Phân tích được nguồn gốc thực sự của giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận và các hình thức biểu hiện của lợi nhuận trong kinh tế thị trường; Hiểu được những vấn đề cơ bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường, sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam; Lý giải được tính khách quan của cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; xu hướng khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế của thời đại; Nhận thức được nội dung khoa học của môn kinh tế chính trị Mác – Lênin và ý nghĩa của môn học đối với bản thân mỗi người lao động cũng như quản lý khi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; Những tri thức của kinh tế chính trị Mác – Lênin giúp tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự nhận thức đúng các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung; Xây dựng nền tảng tư tưởng cộng sản cho những người lao động tiên bộ và yêu chuộng tự do, yêu chuộng hòa bình; củng cố niềm tin vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Kinh tế chính trị Mác – Lênin góp phần xây dựng thế giới quan khoa học về việc xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp, hướng tới giải phóng con người, xóa bỏ dần những áp bức, bất công giữa con người với con người.

17. Giải phẫu

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người, kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng.

18. Hóa sinh

Điều kiện song hành: Sinh lý, giải phẫu

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh, bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào sống của cơ thể, các nguyên tắc và ý nghĩa của một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường.

19. Vật lý và Lý sinh

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền.

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể

20. Sinh lý

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người và điều hòa chức năng trong môi liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường.

21. Vi sinh vật – Ký sinh trùng

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm cơ bản nhất về cấu tạo, chuyển hóa, di truyền của vi khuẩn, vi rút và mối quan hệ cơ thể - vi sinh vật, đặc biệt là những vi sinh vật liên quan đến khả năng gây bệnh, dịch tại cộng đồng, các nguyên tắc phòng và chống các bệnh, dịch liên quan đến vi sinh vật.

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu tạo, hoạt động và đặc tính ký sinh của một số loại ký sinh trùng gây bệnh hoặc liên quan đến các bệnh ở người, trong đó điển hình là các loài giun sán, các loài tiết túc truyền bệnh; các loài nấm và ký sinh trùng khác; các nguyên tắc cơ bản trong phòng và điều trị bệnh ký sinh trùng ở mức độ cơ thể và cộng đồng.

22. Kỹ năng mềm

Học phần giúp trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tầm quan trọng cũng như các cách để rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm. Đồng thời học phần cũng nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm cần thiết cho học tập và cho công việc. Học phần cũng giúp hình thành cho sinh viên thái độ và nhận thức đúng đắn về việc cần thiết phải trang bị và vận dụng các kỹ năng mềm trong học tập, làm việc và cuộc sống.

23. Giáo dục thể chất 3

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 2

Chương trình môn học Giáo dục thể chất nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

24. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Trang bị những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam; Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

25. Anh văn không chuyên 3

Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 2

Học phần này giúp sinh viên tiếp tục làm quen với dạng đánh giá năng lực ngôn ngữ theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) ở cấp độ Pre-B1, phát triển thêm ngôn ngữ và vốn từ vựng của mình. Sinh viên tiếp tục phát triển kỹ năng Nghe, Nói,

Đọc, Viết qua các chủ điểm như fashion, risks, free time activities, entertainment episodes, films, happy families, aptitudes and discoveries.

26. Dịch tễ học cơ bản

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản trong đo lường bệnh trạng, đo lường sự kết hợp, nguyên lý và thiết kế cơ bản của dịch tễ học và ứng dụng của các thiết kế trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

27. Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về quy trình điều dưỡng; nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; thực hành các kỹ thuật cơ bản trong công tác chăm sóc người bệnh tại cộng đồng.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về sơ cứu và cấp cứu tại cộng đồng. Xử lý được các trường hợp cấp cứu cơ bản nội, ngoại, sản, nhi và cấp cứu chuyên khoa trong cộng đồng.

28. Tổ chức và quản lý y tế

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm các thông tin tổng quan, cơ bản về tổ chức và quản lý hệ thống y tế như đặc điểm, cấu trúc tổ chức, chức năng và các thành phần cơ bản của hệ thống y tế, những khái niệm, kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp.

29. Sinh lý bệnh - Miễn dịch (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh, những rối loạn chức năng của các cơ quan trong quá trình bệnh lý phổ biến; vai trò của hệ thống miễn dịch và những cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch.

30. Dược lý (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu - Sinh lý, Sinh lý bệnh, Hóa sinh

Nội dung học phần bao gồm kiến thức cơ bản về dược lý học tác dụng và cách sử dụng một số thuốc thông thường, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa nhằm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả cho bệnh nhân.

31. Nội cơ sở (Tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý

Nội dung gồm các kỹ năng khám nội khoa toàn thân và các hệ cơ quan; các nguyên nhân gây bệnh; các hội chứng, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa về các chuyên khoa: Hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, hồi sức cấp cứu

32. Ngoại cơ sở (Tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức, kỹ năng cơ bản về thăm khám, các triệu chứng và các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp; kiến thức cơ bản về gây tê, gây mê, vô khuẩn và tiệt khuẩn trong ngoại khoa. Khai thác bệnh sử, tiền sử, khám và phát hiện được các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, các hội chứng của các bệnh ngoại khoa thường gặp của các chuyên khoa: Cấp cứu, tiêu hóa, hô hấp, tim mạch.

33. Anh văn không chuyên 4

Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 3

Học phần cuối này giúp sinh viên phát triển thêm kiến thức ngôn ngữ và những trải nghiệm sử dụng ngôn ngữ của mình ở bậc B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Sinh viên thể hiện năng lực ngôn ngữ qua các chủ điểm như friends, self-discoveries, persuading people, travellers' tales, celebrities, eating out and choices; đồng thời sinh viên cũng sẽ làm quen dạng đề thi đánh giá năng lực theo Khung tham chiếu Âu (CEFR).

34. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Môn học này trang bị kiến thức về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học, phân tích cơ sở, quá trình hình thành phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Trình bày, phân tích được các nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giải thích vì sao Đảng ta lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Liên hệ thực tế giải quyết một số vấn đề liên quan đến môn học. Nâng cao lòng tự hào và kính trọng đối với Bác Hồ kính yêu. Nâng cao hiểu biết về Tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh trong sự phát triển toàn diện của đất nước. Đồng thời thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

35. Các bệnh thường gặp 1

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý, giải phẫu

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bệnh học; nguyên nhân, mối liên quan giữa môi trường và bệnh lý ở người; các triệu chứng cơ bản, phương pháp phòng và điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng.

36. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe

Điều kiện tiên quyết: Không có

Nội dung gồm giới thiệu tổng quan về các triết lý trong Y tế công cộng, các phương pháp trong Y tế công cộng, sự phát triển con người và sức khỏe trong Y tế công cộng, mối liên quan giữa sức khỏe môi trường và Y tế công cộng, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng của bia/rượu, thuốc lá và việc sử dụng thuốc đến sức khỏe.

37. Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm

Điều kiện tiên quyết: Hóa sinh, Vi sinh vật, Ký sinh trùng.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh

dưỡng ở cộng đồng; các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức quản lý vệ sinh thực phẩm, ăn uống cộng đồng và phòng chống ngộ độc thực phẩm.

38. Các chương trình và chiến lược quốc gia về y tế

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế

Nội dung gồm giới thiệu tổng quan về chương trình mục tiêu y tế quốc gia; tìm hiểu các vấn đề liên quan và các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết, lao, phong, chương trình bảo vệ sức khoẻ tâm thần, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, chương trình đảm bảo chất lượng VSATTP.

39. Giáo dục và nâng cao sức khỏe

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm tìm hiểu khái niệm, vị trí, vai trò của truyền thông – Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe. Xác định các hành vi, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe và Giáo dục sức khỏe; phương pháp và phương tiện truyền thông – Giáo dục sức khỏe; các vấn đề liên quan đến truyền thông – Giáo dục sức khỏe với cộng đồng, nhóm, cá nhân; lập kế hoạch và quản lý, rèn luyện kỹ năng truyền thông – Giáo dục sức khỏe; tổ chức đào tạo cán bộ truyền thông – Giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

40. Thực tập cộng đồng 1

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế

Thực tập cộng đồng 1 tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với cộng đồng, làm quen với thực tế công việc của cán bộ y tế tuyến huyện và xã. Đây cũng là cơ hội cho sinh viên áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong năm thứ nhất và thứ hai đặc biệt là phương pháp tiếp cận cộng đồng, làm việc nhóm.

41. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần trang bị các kiến thức về những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ giành chính quyền và trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đổi mới. Những phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, bồi dưỡng, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng

42. Các bệnh thường gặp 2

Điều kiện tiên quyết: Các bệnh thường gặp 1

Môn học Bệnh thông thường 2 là phần tiếp theo và bổ trợ cho phần Bệnh thông thường 1. Nội dung gồm các vấn đề về chấn thương và những cấp cứu thường gặp tại cộng đồng; những nguyên tắc, kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương, tai nạn tại cộng đồng.

43. Tin học ứng dụng trong Y học

Điều kiện tiên quyết: tin học ứng dụng cơ bản

Đây là một môn học tự chọn của sinh viên Y tế công cộng năm thứ 4, môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích số liệu cho các cuộc điều tra/ nghiên cứu trong lĩnh vực y tế sử dụng chương trình phần mềm xử lý số liệu (SPSS, STATA). Sinh viên tham dự khóa học này đã phải hoàn thành các khóa học về thống kê cơ bản, dịch tễ học cơ bản...vì thế khóa học chỉ tập trung vào các kỹ năng phân tích số liệu với phần mềm xử lý số liệu (SPSS, STATA)., giúp sinh viên làm quen với các thao tác cơ bản của phần mềm xử lý số liệu (SPSS, STATA) và biết cách sử dụng và kết hợp một số lệnh cơ bản trong phần mềm xử lý số liệu (SPSS, STATA).

44. Sức khỏe nghề nghiệp

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về bệnh nghề nghiệp và kiến thức cơ bản về quản bệnh nghề nghiệp. Trình bày các nguyên tắc vệ sinh môi trường tại trường học, bệnh viện, cơ sở nuôi dạy trẻ. Trình bày các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong quá trình sản xuất và biện pháp kiểm soát. Thực hiện những kết quả xét nghiệm cơ bản trong phân tích môi trường sống và lao động. Thực hiện những kết quả xét nghiệm cơ bản trong phân tích môi trường sống và lao động

45. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học. Các kiến thức nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu, kiểm soát sai lệch trong nghiên cứu. Các vấn đề liên quan đến y đức trong nghiên cứu khoa học và y học. Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học, phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học.

46. Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm

Môn học này sẽ cung cấp những kiến thức về vai trò, nhu cầu, và nguồn thực phẩm của các chất sinh năng lượng (Protid, Carbon hydrate, lipid) và các chất không sinh năng lượng (vitamin, khoáng chất và nước). Từ đó xác định nhu cầu dinh dưỡng và tiến hành xây dựng khẩu phần dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau (trẻ em, vị thành niên, người trưởng thành, phụ nữ mang thai, nuôi con bú, người cao tuổi). Bên cạnh đó môn học cung cấp thêm kiến thức về đặc điểm vệ sinh của một số nhóm thực phẩm cơ bản và thực phẩm chức năng.

47. Nghiên cứu định tính (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học

Biết được các phương pháp tiến hành một nghiên cứu định tính cơ bản, khái quát chức năng và tiện ích một số phần mềm nghiên cứu định tính. Thiết kế được đề cương nghiên cứu định tính, phân tích xử lý thông tin và trình bày kết quả một nghiên cứu định tính. Thiết kế được một nghiên cứu định tính và định lượng trong dịch tễ học. Thực hiện được các phương pháp và kỹ thuật thu thập dữ liệu trong nghiên cứu định tính. Phân tích và xử lý được thông tin trong nghiên cứu định tính.

48. Điều tra một vụ dịch (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Cử nhân Y tế công cộng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

49. Thiết kế đánh giá chương trình y tế (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế

Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo cho thấy nhu cầu tiến hành đánh giá dự án rất cao cả ở cơ quan nhà nước và các tổ chức phi chính phủ bởi sau khi tiến hành các chương trình can thiệp, nhà quản lý đều mong muốn đánh giá được hiệu quả của chương trình can thiệp và rút ra những bài học kinh nghiệm cho những chương trình kế tiếp. Lựa chọn các thiết kế đánh giá hợp lý là một bước rất quan trọng trong đánh giá chương trình y tế bởi vậy thiết kế hợp lý sẽ giúp cho quá trình đánh giá tiết kiệm được thời gian và nguồn lực. Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để lựa chọn và áp dụng được những thiết kế dịch tễ học vào đánh giá chương trình y tế.

50. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe sinh sản, Dân số học

Học phần này giúp cho học viên có những hiểu biết cơ bản về truyền thông dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Nội dung của học phần bao gồm lý thuyết và kỹ năng về truyền thông, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và tư vấn về dân số - Kế hoạch hóa gia đình; lý thuyết và các kỹ năng cần thiết về truyền thông- Giáo dục sức khỏe, dân số - Kế hoạch hóa gia đình; xây dựng và tổ chức, thực hiện các chiến dịch truyền thông về dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại cộng đồng. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng được trang bị vào việc xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông về dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương.

51. Lập kế hoạch và các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng học cơ bản và xây dựng khẩu phần dinh dưỡng

Môn học là sự ứng dụng và tổng hợp các kiến thức của nhiều môn học khác đã được học như Dịch tễ học cơ bản, Xác suất – Thống kê, Tin học, Tổ chức và quản lý hệ thống y tế. Dựa trên các nguyên tắc của khoa học quản lý, môn học này giúp sinh viên áp dụng các phương pháp đánh giá dinh dưỡng và thực phẩm. Môn học này cũng sẽ cung cấp một số kỹ thuật lập kế hoạch dinh dưỡng, các phương pháp nghiên cứu dinh dưỡng và ATTP (đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng phương pháp nhân trắc học, điều tra khẩu phần ăn).

52. Một sức khỏe và sức khỏe sinh thái (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung của môn học nhằm giới thiệu các kiến thức cơ bản về cách tiếp cận Một sức khỏe (One health) trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe; cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề sức khỏe cụ thể trong cộng đồng bao gồm các tiếp cận liên ngành và các lý thuyết cơ bản về Một sức khỏe. Thông qua môn học này, học viên sẽ được trang bị các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc cốt lõi về Một sức khỏe từ đó có khả năng xác định được các vấn đề sức khỏe trong hệ sinh thái và đề xuất hướng giải quyết với sự tham gia của các bên liên quan (VD: y tế, thú y, môi trường và các ngành khác).

53. Dịch tễ học bệnh không lây (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Điều tra một vụ dịch

Môn học Dịch tễ học bệnh không lây sẽ giúp sinh viên hiểu về thực trạng, các yếu tố quyết định và các nguyên lý xây dựng và vận hành hệ thống giám sát các bệnh không lây từ đó đưa ra những biện pháp phòng, giám sát và kiểm soát các bệnh này trong cộng đồng một cách có hiệu quả.

54. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Đại cương về nâng cao sức khỏe

Môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, phân tích vấn đề trong bối cảnh cụ thể để từ đó xác định được các nguyên nhân, nguy cơ, yếu tố ảnh hưởng; trên cơ

sở đó hình thành các mục tiêu chương trình. Các chiến lược hay giải pháp hữu hiệu từ đó được cân nhắc, lựa chọn phù hợp với năng lực của tổ chức và mối quan tâm và ảnh hưởng của các bên liên quan, để rồi có thể lập được kế hoạch hoạt động cụ thể, khả thi và có thể đánh giá một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường năng lực của cộng đồng để cùng với các bên liên quan triển khai thực hiện chương trình nâng cao sức khỏe cũng là những khía cạnh nội dung quan trọng được đề cập trong môn học này.

55. Thống kê dân số y tế (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Học phần này giúp cho học viên hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê y tế và thống kê dân số. Nội dung của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Sau khi học xong học phần này học viên có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình hiện hành, có thể vẽ được tháp dân số, dự báo dân số của địa phương bằng phương pháp đơn giản.

56. Sức khỏe sinh sản

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý

Nội dung gồm những kiến thức và thực hành cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Việt Nam; các kiến thức cơ bản về sức khỏe tình dục, giới, quyền và sự tham gia của nam giới trong dịch vụ sức khỏe sinh sản.

57. Sức khỏe lứa tuổi

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các khái niệm cơ bản về sức khỏe lứa tuổi; các vấn đề ảnh hưởng đến sức khỏe người trưởng thành, người cao tuổi, vị thành niên; các vấn đề liên quan bệnh học đường, liên quan đến sức khỏe trẻ em dưới 5 tuổi; các vấn đề về vệ sinh trường học và các nguyên lý dự phòng theo từng lứa tuổi khác nhau.

58. Quản lý tài chính và Kinh tế y tế

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức quản lý y tế

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học để phân tích và giải thích hành vi sử dụng, cung cấp dịch vụ y tế; các vấn đề thực tiễn liên quan đến các nguồn tài chính y tế, phương thức chi trả, bức tranh tổng thể về mô hình tài chính y tế Việt Nam, những khó khăn và phương pháp quản lý tài chính y tế, để ứng dụng trong đánh giá các can thiệp y tế, cung cấp bằng chứng khoa học trong xây dựng các chính sách quản lý y tế, quản lý kinh tế ngành và xây dựng hệ thống y tế công bằng, hiệu quả.

59. Thực tập cộng đồng 2

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 1

Thực tập cộng đồng 2 là cơ hội cho sinh viên tiếp tục áp dụng và củng cố những kiến thức đã được học trong 3 năm đầu của chương trình Cử nhân Y tế công cộng. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.

60. Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng - an toàn vệ sinh thực phẩm

Chế độ ăn, dinh dưỡng có vai trò quan trọng đối với duy trì sức khỏe và có thể làm tăng nhanh gánh nặng của các bệnh. Môn học này khảo sát một cách chung nhất về vấn đề dinh dưỡng liên quan đến thiếu dinh dưỡng (suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng) và thừa dinh dưỡng (thừa cân, béo phì và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng). Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên các chiến lược trước đây và hiện tại nhằm ngăn ngừa và khống chế các bệnh liên quan tới chế độ ăn, dinh dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu.

61. Quản lý dịch vụ y tế (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức và quản lý y tế

Nội dung mô tả hệ thống cung cấp dịch vụ dự phòng và khám chữa bệnh. Bao gồm các kiến thức tổng quan về y tế dự phòng và phân cấp quản lý y tế dự phòng, cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động và kết quả công tác y tế dự phòng; các kiến thức về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và phòng bệnh các tuyến từ trung ương đến xã; các phương pháp và công cụ đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế .

62. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Môn học Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan tới bệnh truyền nhiễm quan trọng trên thế giới và ở Việt Nam; nguồn lây bệnh; phương thức lây truyền và môi trường gây bệnh; những vấn đề liên quan tới hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam và những biện pháp kiểm soát các bệnh này.

63. Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục và nâng cao sức khỏe

Các nhà hoạch định chính sách, quản lý, các nhà chuyên môn về y tế ngày càng nhận ra rằng các yếu tố về môi trường kinh tế xã hội, hành vi lối sống đóng vai trò quan trọng đối với sức khỏe của cộng đồng. Do vậy, đánh giá các chương trình sức khỏe ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết nhằm chứng minh hiệu quả của đầu tư cho chương trình và để tăng hiệu quả trong đạt được các mục tiêu của chương trình sức khỏe. Môn học Đánh giá các chương trình nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để tham gia lập kế hoạch, thực hiện, viết báo cáo và phổ biến kết quả đánh giá chương trình giáo dục và nâng cao sức khỏe.

64. Quản lý Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê dân số y tế

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế hoạch quản lý, kiến thức và kỹ năng quản lý chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về quản lý, kiến thức và kỹ năng

lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, kiểm tra, giám sát và đánh giá chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động của chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương.

65. Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dinh dưỡng và các vấn đề sức khỏe cộng đồng

Ô nhiễm thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm đang là vấn đề nghiêm trọng đe dọa sức khỏe cộng đồng, nó có thể ảnh hưởng ngay tức thì hoặc lâu dài tới sức khỏe con người. Môn học này sẽ giúp cử nhân dinh dưỡng làm quen với các bệnh liên quan đến thực phẩm hay xảy ra ở cộng đồng và giúp họ có khả năng đánh giá nguy cơ, phát hiện, giám sát và phòng ngừa các bệnh đó một cách hiệu quả (ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây qua thực phẩm). Môn học cũng giúp sinh viên làm quen với đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ tới các chủ thể liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm (như người tiêu dùng, người sản xuất và người quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm).

66. Sức khỏe trường học (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe nghề nghiệp

Y tế học đường ngày nay là lĩnh vực được cộng đồng rất quan tâm, đóng vai trò rất quan trọng đối với sức khỏe của trẻ em và thanh thiếu niên. Cùng với sự phát triển không ngừng về kinh tế - văn hóa – xã hội, trường học trở thành một phần không thể thiếu trong môi trường sống của trẻ. Nhiều yếu tố thuận lợi và không thuận lợi của môi trường học tập ảnh hưởng rõ rệt đến sức khỏe của trẻ. Môn học Sức khỏe trường học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe học sinh lứa tuổi học đường, phân tích được các yếu tố nguy cơ đối với một số bệnh và thương tích thường gặp ở lứa tuổi học đường để từ đó thể xây dựng chương trình can thiệp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho học sinh.

67. Thống kê y sinh học thực hành (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm

Phân tích đa biến nhằm mục tiêu cung cấp các kỹ năng nâng cao về thống kê y tế, môn học này sẽ giúp cho các sinh viên có được các kỹ năng phân tích số liệu nâng cao trong phân tích số liệu bao gồm các phân tích đa biến với các giá trị đầu ra là biến liên tục hoặc nhị phân. Các kỹ thuật kiểm soát yếu tố nhiễu, tác động cũng như các phương pháp xây dựng một mô hình hồi qui tốt để đưa ra các kết luận cũng như dự đoán sẽ được cung cấp trong khóa học này.

68. Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục và nâng cao sức khỏe

Môn học Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông, cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận. Môn học cũng đề cập các nguyên lý cơ bản của tiếp thị xã hội, các thành tố của hỗn hợp tiếp thị và mối liên quan giữa chúng. Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội sẽ là những nguyên liệu giá trị để người làm công tác Truyền thông – Giáo dục sức khỏe nghiên cứu, áp dụng trong việc thiết kế chương trình và thực hiện chương trình Giáo dục sức khỏe – Nâng cao sức khỏe cụ thể tại các địa điểm, cơ sở cụ thể trong cộng đồng. Đây cũng là nhu cầu đào tạo bức thiết của cán bộ y tế tham gia công tác Truyền thông - Giáo dục sức khỏe hiện nay.

69. Kinh tế Dân số y tế (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Quản lý Chương trình Dân số- Kế hoạch hóa gia đình

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế và kinh tế dân số. nội dung của học phần bao gồm sự liên quan của các biến kinh tế với dân số và y tế, các khái niệm và cách tính chi phí và hiệu quả kinh tế của chương trình Chăm sóc sức khỏe và Dân số- Kế hoạch hóa gia đình. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể phân tích và tính toán một số chi phí và hiệu quả kinh tế đơn giản của các chương trình Chăm sóc sức khỏe và Dân số- Kế hoạch hóa gia đình.

70. Quản lý an toàn thực phẩm (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Bệnh truyền qua thực phẩm và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm

Môn học sẽ cung cấp những nguyên tắc cơ bản về hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn thực phẩm ở Việt Nam, đăng ký chứng nhận sản phẩm thực phẩm, ghi nhãn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra từ sản xuất, chế biến và đóng gói thực phẩm. Sinh viên cũng được làm quen với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm như GMP, GHP và HACCP. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tổ chức triển khai biện pháp quản lý vệ sinh an toàn các thực phẩm có nguy cơ ô nhiễm cao như thức ăn chế biến sẵn tại quán ăn đường phố, bếp ăn tập thể hoặc tại các cơ sở sản xuất thực phẩm.

71. Đánh giá nguy cơ Sức khỏe môi trường-Nghề nghiệp (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp

Trong lĩnh vực Y tế công cộng (YTCC) nói chung và Sức khỏe môi trường-nghề nghiệp (SKMT-NN) nói riêng, phương pháp lượng giá nguy cơ là cách tiếp cận hệ thống nhằm mô tả quy mô và bản chất của các nguy cơ SKMT-NN. Để các nhà lãnh đạo đưa ra các quyết định quản lý nguy cơ SKMT-NN nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động. Trên thế giới, các phương pháp lượng giá nguy cơ Sức khỏe môi trường và nguy cơ sức khỏe được sử dụng rộng rãi bởi nhiều tổ chức khác nhau nhằm quản lý các nguy cơ này và đây cũng là một trong các môn học chính của các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sỹ chuyên ngành SKMT-NN tại nhiều trường đại học của Mỹ, Australia, Canada, Singapore. Môn học Quản lý Nguy cơ SKMT-NN nhằm cung cấp cho các Cử nhân Y tế công cộng, định hướng SKMT-NN các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể lượng giá và đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả các nguy cơ SKMT-NN.

72. Y học thảm họa (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường

Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về y học thảm họa, các loại thảm họa thường gặp. Từ đó biết cách tổ chức, dự phòng, giảm nhẹ và khắc phục thảm họa trong lĩnh vực y tế, tổ chức xử trí, cấp cứu ban đầu trong các loại thảm họa.

73. Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Truyền thông sức khỏe và tiếp thị xã hội

Môn học Vận động trong thực hành nâng cao sức khỏe cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản và khung cơ sở để hiểu được vai trò quan trọng của vận động trong việc thúc đẩy sự ra đời, thực thi và duy trì các chính sách y tế công cộng hiệu quả trong các chương trình nâng cao sức khỏe. Thông qua các bài đọc, bài giảng, bài tập, hoạt động đóng vai, lập kế hoạch hành động cho chiến dịch vận động và phát triển các sản phẩm thường sử dụng trong vận động qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh viên sẽ hình thành các kỹ năng cơ bản để có thể tham gia thực hiện vận động hiệu quả cho các chương trình nâng cao sức khỏe.

74. Chính sách dân số (tự chọn)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế Dân số y tế

Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt nam và một số nước trong khu vực. Nội dung của học phần bao gồm quan điểm, đường lối về dân số-Kế hoạch hóa gia đình của Đảng và Nhà nước, nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở Việt Nam; Những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách dân số ở một số nước trong khu vực và ở Việt nam. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức được trang bị để tư vấn cho lãnh đạo trong quá trình tổ chức, thực hiện công việc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

75. Quản lý chất thải y tế

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp

Nội dung gồm quy định các quy trình quản lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế như thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải y tế.

76. Dân số học

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung gồm các kiến thức và khả năng phân tích về biến động dân số và những tác động qua lại của các quá trình dân số với các vấn đề phát triển. Phần dân số học cung cấp kiến thức về quy mô, cơ cấu dân số và các biến động dân số. Phần dân số và phát triển cung cấp kiến thức về mối quan hệ, tác động qua lại giữa dân số và các vấn đề phát triển (như kinh tế, giáo dục, y tế, môi trường, bình đẳng giới...), cơ sở xây dựng chính sách dân số phù hợp với từng đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia

77. Phân loại bệnh tật và tử vong toàn cầu

Điều kiện tiên quyết: Các bệnh thường gặp 2

Nội dung gồm các kiến thức và kỹ năng phân loại các nguyên nhân gây bệnh và tử vong dựa trên phân loại chuẩn quốc tế ICD-10; các kiến thức, kỹ năng trong đánh giá các nguyên nhân bệnh tật và tử vong theo các cấp độ chi tiết khác nhau; các kỹ năng lưu trữ, phân tích dữ liệu dựa trên các nguyên tắc mã hóa và chuẩn hóa số liệu y/sinh học.

78. Dịch tễ học chấn thương

Điều kiện tiên quyết: Dịch tễ học cơ bản

Chấn thương là một vấn đề sức khỏe cần đáng quan tâm của cộng đồng. Trong bối cảnh chuyển dịch mô hình dịch tễ học và sự thay đổi về kinh tế, các quốc gia bao giờ cũng gặp phải vấn đề này. Môn học này sẽ giúp cho sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng trong việc phân tích các mô hình chấn thương, tai nạn thương tích trong các bối cảnh khác nhau. Môn học cũng đồng thời cung cấp cho các sinh viên kỹ năng phân tích các mối nguy cơ, theo dõi và đưa ra được những chiến lược phòng chống chấn thương một cách hiệu quả và phù hợp.

79. Quản lý dự án y tế

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức quản lý y tế, quản lý tài chính-KTYT

Quản lý dự án là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến Xây dựng dự án; Tổ chức thực hiện dự án và Theo dõi, đánh giá dự án. Các kiến thức này nhằm giúp cho sinh viên có thể thực hiện được các năng lực (competences) của Cử nhân y tế công cộng sau khi tốt nghiệp.

80. Anh văn chuyên ngành YTCC

Điều kiện tiên quyết: Anh văn không chuyên 4.

Nội dung nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành Y tế công cộng; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn phục vụ cho nghiên cứu khoa học của ngành.

81. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Các bệnh thường gặp 2

Nội dung gồm những kiến thức và kỹ năng cho hoạt động lập kế hoạch cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật, các nội dung phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

82. Thực tập cộng đồng 3

Điều kiện tiên quyết: Thực tập cộng đồng 2

Sinh viên được bố trí thực tập tại các cơ sở y tế từ Trung ương tới địa phương, phù hợp với từng định hướng đã chọn. Các cơ sở y tế có thể bao gồm: các Vụ, Cục của Bộ Y tế, các viện nghiên cứu (viện Vệ sinh dịch tễ, Viện Y học lao động), các Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng các tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông – Giáo dục sức khỏe tỉnh, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình,...

83. Kỹ thuật y tế trường học

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe môi trường, Các bệnh thường gặp 2.

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Y tế trường học, kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về vệ sinh trường học, kiến thức và kỹ năng trong việc chăm sóc sức khỏe học sinh tại nhà trường; gồm 5 nội dung: Giới thiệu chung về sức khỏe trường học, Tâm – sinh lý lứa tuổi học đường, Vệ sinh trường học, Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Chăm sóc sức khỏe học sinh.

84. Các kỹ năng chẩn đoán cộng đồng

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các yếu tố quyết định sức khỏe ở Việt Nam, đánh giá nhanh sự tham gia của cộng đồng (PRA), xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên và phương pháp soạn bảng câu hỏi trong điều tra cộng đồng. Nâng cao các kỹ năng quan sát, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và giao tiếp với người dân.

85. Phương tiện và tài liệu truyền thông

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục và nâng cao sức khỏe

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về nội dung và cách thiết kế, thử nghiệm một phương tiện, tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe, hướng dẫn sử dụng các phần mềm thiết kế.